TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số 16/2019/HNGĐ-PT
Ngày 28-11-2019
V/v: Xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hải

Các Thẩm phán: Ông Cầm Văn Thanh

Ông Đỗ Tuấn Long

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Anh Cương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La: Bà Phạm Minh Phương - Kiểm sát viên tham gia phiên toà (Vắng mặt)

Ngày 28 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2019/TLPT-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2019 về việc Xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 01/2019/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 9 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 15/2019/QĐ-PT ngày 06 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Giàng Thị S. Sinh năm: 1995. Địa chỉ: Bản A, xã B, huyện C, tỉnh Sơn La (vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Lầu A S1. Sinh năm: 1994. Địa chỉ: Bản A, xã B, huyện C, tỉnh Sơn La (có mặt).

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Lầu A S1: Ông Tòng Văn S2 – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Sơn La (có mặt)

3. Người có quyền với nghĩa vụ liên quan: Ông Giàng Ly S3. Sinh năm: 1972. Địa chỉ: Bản A, xã B, huyện C, tỉnh Sơn La (vắng mặt).

4. Người phiên dịch: Bà Mùa Thị S4 – Cán bộ Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Sơn La (có mặt)

Do có kháng cáo của bị đơn Lầu A S1.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn chị Giàng Thị S trình bày:

Chị Giàng Thị S và anh Lầu A S1 đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Sơn La vào ngày 16/11/2017. Trước khi đăng ký kết hôn, vợ chồng đã được gia đình hai bên tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh S1hay ghen, cho rằng chị S có quan hệ ngoại tình với người khác nên thường xuyên đánh đập, chửi mắng chị S. Sự việc đã được người thân, họ hàng, gia đình, anh chị em khuyên giải nhiều lần nhưng mâu thuẫn không giải quyết được. Chị S đã sống ly thân với anh S1 từ tháng 12/2018 cho đến nay. Giữa chị S và anh S1hiện không còn quan tâm tới cuộc sống của nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, đời sống chung không thể kéo dài thêm được nữa, vì vậy chị S làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh Lầu A S1.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị S và anh S1có 02 người con là Lầu A S5 sinh ngày 05/3/2014 và Lầu A S6 sinh ngày 15/3/2015. Chị S đề nghị được trực tiếp nuôi con Lầu A S6 đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh S1phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị S không yêu cầu giải quyết do đã tự phân chia

Bị đơn anh Lầu A S1trình bày:

Anh S1và chị S chung sống với nhau từ năm 2013 đến năm 2017 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C. Sau khi chung sống hạnh phúc được 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị S không chung thủy, đi ngoại tình với người khác, không quan tâm đến gia đình. Sau khi sự việc bị phát hiện, được khuyên bảo nhưng chị S vẫn không thay đổi, không thừa nhận mà còn tỏ thái độ thách thức, sỉ nhục anh S1. Tháng 12/2018, chị S bỏ nhà đi. Nay chị S đề nghị ly hôn, anh S vẫn mong muốn gia đình đoàn tụ, trường hợp chị S nhất định ly hôn, anh cũng nhất trí.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị S và anh S1có 02 người con là Lầu A S5 sinh ngày 05/3/2014 và Lầu A S6 sinh ngày 15/3/2015. Nếu chị S nhất quyết ly hôn thì anh S1yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục 02 người con chung và yêu cầu chị S phải cấp dưỡng nuôi con số tiền 100.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Anh S1 yêu cầu chia đôi giá trị chiếc xe máy (trị giá khoảng 18.000.000 đồng) mà bố mẹ vợ tặng cho khi tổ chức đám cưới.

Ngoài ra anh S1 yêu cầu chị S phải trả lại tiền chi phí đám cưới là 30.000.000 đồng, tiền bồi thường danh dự ly hôn là 10.000.000 đồng và trả lại sợ dây chuyền bằng đồng trị giá 2.000.000 đồng.

- Về nợ chung: Không có.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Giàng Ly S3 trình bày:

Chiếc xe máy mà anh S1 yêu cầu chia là tài sản hợp pháp của ông Giàng Ly S3, được đăng ký mang tên Giàng Ly S3 mua năm 2009. Năm 2013, khi chị S kết hôn, do điều kiện vợ chồng chị S, anh S1 không có phương tiện đi lại nên ông S3 đã cho hai vợ chồng mượn để đi lại một thời gian. Đến tháng 8/2017, ông S3 đã lấy lại chiếc xe máy và sử dụng cho đến nay. Hiện anh S1 yêu cầu chia đôi giá trị chiếc xe máy trên ông S3 không nhất trí.

Tại bản án số 01/2019/HNGĐ-ST ngày 19/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sơn La quyết định:

Áp dụng Điều 55, các Điều 69, 70, 71, 72, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1, 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, điểm a khoản 1 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Giàng Thị S và anh Lầu A S1 theo biên bản hòa giải các ngày 04/7/2019 và 09/8/2019.

Về con chung: Xử: Giao cháu Lầu A S6, sinh ngày 15/3/2015 cho chị Giàng Thị S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Lầu A S6 đủ 18 tuổi; Giao cháu Lầu A S5, sinh ngày 05/3/2014 cho anh Lầu A S1trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Lầu A S5 đủ 18 tuổi. Chị S và anh S1 không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng bên nào. Chị S và anh S1 được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung:

- Chị S không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Bác yêu cầu đòi bồi thường tiền chi phí đám cưới là 30.000.000 đồng, tiền bồi thường danh dự 10.000.000 đồng và yêu cầu được chia 9.000.000 đồng giá trị chiếc xe máy của anh Lầu A S1 đối với chị Giàng Thị S. Tổng cộng là 49.000.000 đồng (bốn mươi chín triệu đồng chẵn)

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26/9/2019, anh Lầu A S1 có đơn kháng cáo với nội dung không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xét xử lại vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị đơn Lầu A S1 rút yêu cầu đòi bồi thường tiền chi phí đám cưới là 30.000.000 đồng, tiền bồi thường danh dự 10.000.000 đồng và yêu cầu chia 9.000.000 đồng giá trị chiếc xe máy. Anh Lầu A S1 đề nghị được nuôi 02 người con và không yêu cầu cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật:

Năm 2017, chị Giàng Thị S và anh Lầu A S1 kết hôn, việc kết hôn là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Sơn La. Do vậy việc kết hôn của hai anh chị là hợp pháp. Nay chị S yêu cầu ly hôn, giữa hai bên phát sinh tranh chấp trong việc nuôi con, cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là Xin ly hôn là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét nội dung kháng cáo toàn bộ quyết định của bản án sơ thẩm của bị đơn Lầu A S, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì giữa nguyên đơn chị S và bị đơn anh S1 phát sinh mâu thuẫn từ năm 2017, đã nhiều được gia đình, họ hàng, anh chị em hòa giải nhưng không thành. Từ tháng 12/2018 đến nay, chị S và anh S1 sống ly thân. Nay chị S xin ly hôn, anh S1cũng đồng ý. Cấp sơ thẩm chấp nhận sự thuận tình ly hôn của hai anh chị là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Về vấn đề con chung và cấp dưỡng: Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn chị Giàng Thị S đề nghị được nuôi dưỡng người con thứ hai là cháu Lầu A S6 (sinh năm 2015) đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu cấp dưỡng, còn anh Lầu A S1 đề nghị được nuôi dưỡng cả hai cháu Lầu A S5 (sinh năm 2014) và Lầu A S6 đến tuổi trưởng thành, đồng thời yêu cầu chị Giàng Thị S cấp dưỡng số tiền 100.000.000 đồng. Xét điều kiện hoàn cảnh của chị S và anh S1 thấy rằng: Cả chị S và anh S1 đều làm nghề trồng trọt, làm thuê, thu nhập không ổn định, điều kiện hoàn cảnh kinh tế của từng người không đảm bảo cho việc nuôi cả hai cháu cũng như cấp dưỡng. Do đó cấp sơ thẩm Giao cháu Lầu A S6 cho chị Giàng Thị S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; Giao cháu Lầu A S5 cho anh Lầu A S1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng bên nào là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung:

Tại cấp sơ thẩm, anh Lầu A S1 xác định có một chiếc xe máy (hiện đang ở nhà ông Giàng Ly S3) là tài sản chung của anh S1, chị S và đề nghị chia đôi tài sản trên. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh S1 rút yêu cầu nêu trên. Do đó xác định tài sản chung do hai bên tự thỏa thuận, Tòa không xem xét.

[2.4] Đối với yêu cầu của anh S1 đề nghị buộc chị S phải thanh toán cho anh S1 tiền tổ chức đám cưới 30.000.000 đồng, tiền tổn thất danh dự ly hôn 10.000.000 đồng. Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định đây là nội dung có yêu cầu phản tố trong vụ án, tuy nhiên bị đơn không có yêu cầu phản tố, cấp sơ thẩm

không thụ lý yêu cầu phản tố mà giải quyết trong vụ án là không chính xác. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn xác định rút các yêu cầu nêu trên. Do đó cần sửa bản án dân sự sơ thẩm về nội dung trên cũng như phần án phí sơ thẩm liên quan.

[2.5] Đối với nội dung bị đơn Lầu A S1kháng cáo cho rằng anh S1đã ủy quyền cho anh Vừ A S7 (cư trú: tại bản A, xã B, huyện C, tỉnh Điện Biên) tham gia giải quyết vụ án nhưng không được cấp sơ thẩm phúc đáp và không đưa anh S7 vào tham gia tố tụng, ảnh hưởng tới quyền lợi hợp pháp của anh Cho. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án, anh Lầu A S1đã có 01 giấy ủy quyền (giấy ủy quyền không đề ngày, chỉ đề tháng 7 năm 2019) gửi tới Tòa án nhân dân huyện C, ủy quyền cho anh Vừ A S7 tham gia tố tụng, phiên dịch để cùng anh bảo vệ quyền lợi. Xét thấy, việc anh Lầu A S1 ủy quyền cho anh Vừ A S7 tham gia tố tụng là trái quy định tại Điều 85 Bộ luật dân sự 2015 *"Đối với việc ly hôn, đương sự không được ủy quyền cho người khác thay mặt mình tham gia tố tụng"*. Cấp sơ thẩm không đưa anh Vừ A S7 vào tham gia tố tụng với tư cách người đại diện theo ủy quyền của anh Lầu A S1 và không triệu tập anh S7 tham gia phiên tòa là đúng quy định của pháp luật. Mặt khác, do anh Lầu A S1 là người dân tộc Mông, trình độ hiểu biết tiếng phổ thông hạn chế, cấp sơ thẩm đã mời phiên dịch phiên dịch cho anh S1trong quá trình giải quyết vụ án, anh S1 cũng không có ý kiến gì về việc Tòa án cấp sơ thẩm mời phiên dịch. Do đó, quyền lợi, lợi ích hợp pháp của anh S1 vẫn được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Việc Tòa án cấp sơ thẩm không nhận định về việc ủy quyền của anh S1 trong bản án là thiếu sót, cần rút kinh nghiệm.

Từ những phân tích nêu trên, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Lầu A S1 nhưng cần sửa bản án sơ thẩm.

[3] Án phí: Bị đơn Lầu A S1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do bản án bị sửa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự 2015:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Lầu A S1, đồng thời sửa bản án sơ thẩm số 01/2019/HNGĐ-ST ngày 19/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sơn La như sau:

Áp dụng Điều 55, các Điều 69, 70, 71, 72, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1, 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Giàng Thị S và anh Lầu A S1theo biên bản hòa giải các ngày 04/7/2019 và 09/8/2019.

Về con chung: Xử: Giao cháu Lầu A S6, sinh ngày 15/3/2015 cho chị Giàng Thị S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Lầu A

S6 đủ 18 tuổi; Giao cháu Lầu A S5, sinh ngày 05/3/2014 cho anh Lầu A S1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Lầu A S5 đủ 18 tuổi. Chị S và anh S1 không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng bên nào. Chị S và anh S1 được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung vợ chồng: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xem xét.

2. Về án phí:

Chị Giàng Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003401 ngày 01/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Sơn La, chị S đã nộp đủ án phí.

Anh Lầu A S1không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm, được hoàn lại số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo biên lai thu số 0003416 ngày 01/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Sơn La.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (28/11/2019).

Nơi nhận:
- VKS nhân dân tỉnh Sơn La;
- Tòa án nhân dân huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV-THADS;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh Hải